

ỦY BAN NHÂN DÂN  
TỈNH LẠNG SƠN

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 468/QĐ-UBND

Lạng Sơn, ngày 19 tháng 3 năm 2026

## QUYẾT ĐỊNH

**Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn**

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH LẠNG SƠN

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;*

*Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về Kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;*

*Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ các Thông tư của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ: số 02/2017/TT-VPCP ngày 31/10/2017 hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính; số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Công Dịch vụ công quốc gia;*

*Căn cứ Quyết định số 274/QĐ-UBND ngày 08/02/2026 của Chủ tịch UBND tỉnh Lạng Sơn về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ lĩnh vực lâm nghiệp và kiểm lâm, bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn;*

*Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 145/TTr-SNNMT ngày 15/03/2026.*

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

(Có quy trình chi tiết kèm theo)

**Điều 2.** Giao Văn phòng UBND tỉnh chủ trì, phối hợp với Sở Nông nghiệp và Môi trường trên cơ sở quy trình nội bộ được phê duyệt tại Quyết định này xây dựng, cập nhật quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính tỉnh.

**Điều 3.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký ban hành. Các quy trình nội bộ sau đây hết hiệu lực thi hành kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực:

1. Các quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02, 05, 06, 10 Tiểu mục I, Mục A, Phần I; số thứ tự 03 Tiểu mục I, số thứ tự 04 Tiểu mục II, Mục A, số thứ tự 01 Tiểu mục I, Mục C, Phần I tại Phụ lục II; số thứ tự 11, 13, 15, 18 Tiểu mục II, Mục A, Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 766/QĐ-UBND ngày 28/3/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Kiểm lâm, Lâm nghiệp, Môi trường thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp huyện, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

2. Quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 01 Mục A, Phần I tại Phụ lục II; số thứ tự 01 Tiểu mục I, Mục B, Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1468/QĐ-UBND ngày 29/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, thay thế, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

3. Các quy trình nội bộ của thủ tục hành chính có số thứ tự 02, 03, 04, 05 Mục A, Phần I tại Phụ lục II ban hành kèm theo Quyết định số 1398/QĐ-UBND ngày 26/6/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa liên thông lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường tỉnh Lạng Sơn.

4. Quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01, Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1550/QĐ-UBND ngày 07/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính sửa đổi, bổ sung và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

5. Các quy trình nội bộ thủ tục hành chính có số thứ tự 01, 02 Tiểu mục I, Mục B, Phần I tại Phụ lục III ban hành kèm theo Quyết định số 1561/QĐ-UBND ngày 09/7/2025 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ và phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm, Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Nông nghiệp và Môi trường, UBND cấp xã tỉnh Lạng Sơn.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng UBND tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường, Chủ tịch UBND các xã, phường và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**KT. CHỦ TỊCH  
PHÓ CHỦ TỊCH**

**Trần Thanh Nhàn**

**Phụ lục I**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM THUỘC THẨM GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 468 /QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA (08 TTHC)**

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (03 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
01	Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư	
02	Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu	
03	Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ	

**B. DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (03 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
01	Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	
02	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã	
03	Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư	

**Phần II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT**  
**THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA**

**CÁC CỤM TỪ VIẾT TẮT:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLBRV&BTNN
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường: Phòng Kinh tế cấp xã.

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (03 TTHC)**

**1. Thẩm định thiết kế, dự toán hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với các dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định đầu tư**

- Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu: tham mưu văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận hồ sơ, nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ cần giải trình, bổ sung: tham mưu văn bản thông báo cho chủ đầu tư trong thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ đáp ứng yêu cầu: tham mưu thẩm định và xây dựng dự thảo Báo cáo thẩm định.	Công chức Phòng SD&PTR	5,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B5	Xem xét hồ sơ và Báo cáo thẩm định, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt Báo cáo thẩm định; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>09 ngày</b>

**2. Xác nhận nguồn gốc gỗ trước khi xuất khẩu**

- **Trường hợp 1:** Trường hợp không có thông tin vi phạm

Thời gian thực hiện TTHC: 02 ngày làm việc x 08 giờ = 16 giờ.

- **Trường hợp 2:** Trường hợp có thông tin vi phạm

Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc x 08 giờ = 24 giờ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>	
			<b>TH1</b>	<b>TH2</b>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ, chuyển hồ sơ cho Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	CCMC tại TTPVHCC xã, phường/công chức Hạt KL	01 giờ	01 giờ
B2	Phân công xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	01 giờ	01 giờ
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không đáp ứng yêu cầu, thông báo cho cá nhân/tổ chức và nêu rõ lý do. - Trường hợp, hồ sơ đáp ứng yêu cầu: kiểm tra thực tế lô hàng gỗ xuất khẩu, báo cáo Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm.	Công chức Hạt KL	12 giờ	20 giờ
B4	Xem xét, xác nhận bằng kê gỗ/ký ban hành văn bản thông báo không xác nhận	Lãnh đạo Hạt Kiểm lâm	02 giờ	02 giờ
B5	- Trả kết quả giải quyết; - Thống kê, theo dõi.	CCMC tại TTPVHCC xã, phường/công chức Hạt KL	Không tính thời hạn thời gian	
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>16 giờ</b>	<b>24 giờ</b>

**3. Phân loại doanh nghiệp trồng, khai thác và cung cấp gỗ rừng trồng, chế biến, nhập khẩu, xuất khẩu gỗ**

**3.1. Trường hợp không kiểm tra, xác minh**

- Thời gian thực hiện TTHC: 04 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTNN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra, thẩm định hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: kiểm tra hồ sơ và nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. - Thẩm định hồ sơ; tham mưu xếp loại doanh nghiệp vào Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; dự thảo văn bản thông báo kết quả phân loại. - Trường hợp doanh nghiệp không đáp ứng tiêu chí: tham mưu văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	Công chức Phòng QLVR&BTNN	2,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	1/2 ngày
B5	Xem xét, ký duyệt văn bản thông báo kết quả phân loại doanh nghiệp	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B6	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển kết quả đến TTPVHCC; gửi văn bản về Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; đăng tải công khai kết quả trên trang thông tin điện tử	Văn thư CCKL	1/4 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ. (Trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp: Hệ thống tự động thông báo kết quả)	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>04 ngày làm việc</b>

**3.2. Trường hợp phải kiểm tra, xác minh**

- Thời gian thực hiện TTHC: 09 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/4 ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ nộp trực tiếp hoặc qua dịch vụ bưu chính: kiểm tra hồ sơ, nhập thông tin vào Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp. - Kiểm tra nội dung hồ sơ; trường hợp có nghi ngờ thông tin doanh nghiệp kê khai cần xác minh: tham mưu văn bản thông báo xác minh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	2,5 ngày
B4	Phối hợp các cơ quan liên quan tổ chức kiểm tra, xác minh thông tin doanh nghiệp; tổng hợp và thông báo kết quả xác minh	CCKL và các cơ quan liên quan	03 ngày
B5	Tham mưu xếp loại doanh nghiệp Nhóm I trên Hệ thống thông tin phân loại doanh nghiệp; dự thảo văn bản thông báo kết quả phân loại (trường hợp không đáp ứng tiêu chí: dự thảo văn bản thông báo và nêu rõ lý do)	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B6	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	1/2 ngày
B7	Xem xét, ký duyệt văn bản thông báo kết quả phân loại doanh nghiệp	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B8	Đóng dấu, phát hành văn bản; chuyển kết quả đến TTPVHCC; gửi văn bản về Cục Lâm nghiệp và Kiểm lâm; đăng tải công khai kết quả trên trang thông tin điện tử	Văn thư CCKL	1/4 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ (trường hợp doanh nghiệp nộp hồ sơ trực tuyến: hệ thống tự động thông báo kết quả)	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>09 ngày làm việc</b>

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (03 TTHC)**

**1. Kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại**

Thời hạn giải quyết: 03 ngày làm việc kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị của tổ chức có rừng trồng bị thiệt hại.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/4 ngày
B3	Tổ chức kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại; lập biên bản kiểm tra hiện trường	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	02 ngày
B4	Kiểm tra, xem xét kết quả kiểm tra hiện trường và dự thảo văn bản xử lý	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/4 ngày
B5	Xem xét, ký văn bản xác nhận kết quả kiểm tra hiện trường rừng trồng bị thiệt hại	Lãnh đạo UBND cấp xã	1/4 ngày
B6	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>03 ngày làm việc</b>

**2. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã**

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	1/2 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/2 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B3	Kiểm tra hồ sơ; tổ chức điều tra, đánh giá, kiểm tra hiện trạng rừng tại thực địa; xác nhận báo cáo hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng và ranh giới khu rừng; kiểm tra nội dung giao rừng, cho thuê rừng theo quy định của pháp luật; lập tờ trình và dự thảo quyết định giao rừng, cho thuê rừng	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	10 ngày
B4	Kiểm tra, xem xét hồ sơ, tờ trình và dự thảo quyết định giao rừng, cho thuê rừng	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	02 ngày
B5	Xem xét, ký quyết định giao rừng, cho thuê rừng; chỉ đạo bàn giao rừng cho tổ chức, cá nhân theo quy định	Chủ tịch UBND cấp xã	07 ngày
B6	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>20 ngày làm việc</b>

**3. Thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán công trình lâm sinh sử dụng vốn đầu tư công đối với công trình lâm sinh thuộc dự án do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định đầu tư**

- Thời hạn giải quyết: 09 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; tổ chức thẩm định thiết kế, dự toán công trình lâm sinh hoặc thẩm định điều chỉnh thiết kế, dự toán; lập dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định theo quy định	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	07 ngày
B4	Kiểm tra, xem xét hồ sơ và dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định; ký báo cáo kết quả thẩm định	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	1,5 ngày
B5	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>09 ngày làm việc</b>

**Phụ lục II**

**DANH MỤC VÀ QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM, BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT CỦA SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG, UBND CẤP XÃ TỈNH LẠNG SƠN**

*(Kèm theo Quyết định số 468/QĐ-UBND ngày 19 tháng 3 năm 2026 của Chủ tịch UBND tỉnh)*

**Phần I**

**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC XÂY DỰNG QUY TRÌNH NỘI BỘ THỰC HIỆN THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG (16 TTHC)**

STT	Tên thủ tục hành chính	Ghi chú
<b>A</b>	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (16 TTHC)</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (12 TTHC)</b>	
1	Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý	
2	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
3	Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
4	Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
5	Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
6	Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
7	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức	
8	Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh	
9	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
10	Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	
11	Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh	

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>STT</b>	<b>Tên thủ tục hành chính</b>	<b>Ghi chú</b>
12	Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý	
<b>II</b>	<b>Lĩnh vực Bảo tồn thiên nhiên và đa dạng sinh học (04 TTHC)</b>	
1	Cấp lại giấy phép tiếp cận nguồn gen	
2	Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen	
3	Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen	
4	Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại	
<b>B</b>	<b>DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ (02 TTHC)</b>	
<b>I</b>	<b>Lĩnh vực Lâm nghiệp và Kiểm lâm (02 TTHC)</b>	
1	Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân	
2	Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân	

**Phần II**  
**QUY TRÌNH NỘI BỘ TRONG GIẢI QUYẾT THỦ TỤC**  
**HÀNH CHÍNH THEO CƠ CHẾ MỘT CỬA LIÊN THÔNG**

**CỤM TỪ VIẾT TẮT:**

- Trung tâm Phục vụ hành chính công: TTPVHCC
- Công chức Bộ phận Một cửa: CCMC
- Thủ tục hành chính: TTHC
- Hội đồng nhân dân: HĐND
- Ủy ban nhân dân: UBND
- Chi cục Kiểm lâm: CCKL
- Kiểm lâm: KL
- Công chức: CC
- Nông nghiệp và Môi trường: NN&MT
- Sử dụng và phát triển rừng: SD&PTR
- Quản lý, bảo vệ rừng và Bảo tồn thiên nhiên: QLBVR&BTTN
- Phòng Kinh tế xã/Phòng Kinh tế, Hạ tầng và Đô thị phường: Phòng Kinh tế cấp xã.

**A. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP TỈNH (16 TTHC)**

**I. LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (12 TTHC)**

**1. Điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng thuộc địa phương quản lý**

- Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ thì hướng dẫn tổ chức/cá nhân hoàn thiện; trường hợp hồ sơ đầy đủ thì lập Giấy biên nhận, nhập hồ sơ điện tử và chuyển hồ sơ đến Phòng QLBVR&BTTN.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức thụ lý, xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng QLBVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu lãnh đạo CCKL trình Sở NN&MT ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ:	Công chức Phòng QLBVR&BTTN	04 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	tham mưu lãnh đạo CCKL báo cáo Sở NN&MT gửi hồ sơ đến Hội đồng thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập.		
B4	Tổ chức thẩm định hồ sơ; hoàn thành Báo cáo thẩm định và gửi kết quả cho Sở NN&MT. Trường hợp không đạt yêu cầu thì thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do.	Hội đồng thẩm định	05 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định; hoàn thiện hồ sơ; tham mưu dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh xem xét quyết định.	Công chức Phòng QLVR&BTNN	03 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký nháy và trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B8	Xem xét, ký Tờ trình gửi Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B9	Xem xét, ban hành Quyết định điều chỉnh phân khu chức năng của khu rừng đặc dụng; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B10	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
	<b>Tổng thời gian thực hiện</b>		<b>18 ngày</b>

**2. Nhóm 02 TTHC:**

**2.1. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**2.2. Phê duyệt đề án du lịch sinh thái, nghỉ dưỡng, giải trí trong rừng phòng hộ, thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thời hạn giải quyết: 25 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho chủ rừng hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: chuẩn bị hồ sơ, dự thảo văn bản của Sở NN&MT gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Công chức Phòng SD&PTR	02 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản, trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản, trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký văn bản gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Tham gia ý kiến thẩm định bằng văn bản gửi Sở NN&MT.	Các cơ quan, tổ chức, cá nhân có liên quan	10 ngày
B8	Tổng hợp ý kiến thẩm định; hoàn thiện báo cáo thẩm định; dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh; trình lãnh đạo Phòng. Trường hợp thẩm định không đạt thì tham mưu văn bản thông báo và nêu rõ lý do.	Công chức Phòng SD&PTR	03 ngày
B9	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B10	Xem xét hồ sơ và dự thảo Tờ trình, dự thảo Quyết định; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B11	Xem xét, ký Tờ trình và hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B12	Xem xét, ký ban hành Quyết định phê duyệt đề án; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>25 ngày</b>

**3. Giao rừng, cho thuê rừng khi đã được giao đất, cho thuê đất có rừng hoặc đã được công nhận quyền sử dụng đất có rừng thuộc thẩm quyền của Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thời hạn giải quyết: 20 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ: tham mưu văn bản thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu giao Hạt Kiểm lâm khu vực kiểm tra hiện trạng rừng, bản đồ hiện trạng rừng, ranh giới khu rừng; kiểm tra hiện trường và nội dung giao rừng, cho thuê rừng theo quy định; dự thảo văn bản xử lý trình lãnh đạo Phòng.	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	08 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ; ban hành Quyết định giao rừng, cho thuê rừng. Trường hợp không quyết định thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do.	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B8	Tổ chức bàn giao rừng cho tổ chức, cá nhân theo quy định.	Sở NN&MT	Không tính thời hạn
B9	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê và theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>20 ngày</b>

**4. Chuyển loại rừng đối với khu rừng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thời hạn giải quyết: 18 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã,	¼ ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR.	phường	
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho chủ rừng hoàn thiện hồ sơ và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu xây dựng dự thảo văn bản của Sở NN&MT gửi lấy ý kiến thẩm định của các cơ quan, tổ chức có liên quan; trường hợp khu vực giáp ranh, liên quan đất quốc phòng hoặc khu vực biên giới thì lấy ý kiến cơ quan quân sự tại địa phương; tổng hợp ý kiến, dự thảo báo cáo thẩm định và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh.	Công chức Phòng SD&PTR	12 ngày
B4	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo CCKL.	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý; trình lãnh đạo Sở NN&MT.	Lãnh đạo CCKL	01 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản trình Chủ tịch UBND tỉnh.	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ban hành Quyết định chuyển loại rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC.	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê và theo dõi hồ sơ.	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
	<b>Tổng thời gian thực hiện</b>		<b>18 ngày làm việc</b>

**5. Điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

- **Trường hợp 1 (TH1):** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

- **Trường hợp 2 (TH2):** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: - Trường hợp hồ sơ không hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các đơn vị có liên quan	09 ngày	09 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định: - Trường hợp không đủ điều kiện: tham mưu văn bản trả lời tổ chức, cá nhân. - Trường hợp đủ điều kiện: dự thảo báo cáo thẩm định của Sở NN&MT; dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày	01 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày	½ ngày
B8	Xem xét, ký báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày	½ ngày
B9	Xem xét, ký văn bản gửi các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng xin ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	Không thực hiện	02 ngày
B10	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng		10 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B11	Hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B12	Xem xét quyết định điều chỉnh chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; chuyển kết quả cho UBND tỉnh và TTPVHCC	HĐND tỉnh	Theo quy chế làm việc của HĐND tỉnh	
B13	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn	
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>16 ngày</b>	<b>28 ngày</b>

**6. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với tổ chức**

- Thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: Trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT và dự thảo Quyết định của Chủ tịch UBND tỉnh về chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, ký ban hành Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác; trường hợp không quyết định thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>08 ngày làm việc</b>

**7. Quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác thuộc thẩm quyền của Hội đồng nhân dân cấp tỉnh**

- **Trường hợp 1:** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác không thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 16 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh.

- **Trường hợp 2:** Diện tích rừng chuyển mục đích sử dụng sang mục đích khác thuộc phạm vi quản lý của chủ rừng là các đơn vị trực thuộc các bộ, ngành hoặc khu vực có liên quan, gần với khu vực quốc phòng, khu vực phòng thủ, trọng yếu về quốc phòng.

Thời gian thực hiện TTHC: 28 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ đến khi Ủy ban nhân dân cấp tỉnh trình Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày	½ ngày
B4	Tổ chức kiểm tra, xác minh hồ sơ đề nghị quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác và thực hiện thẩm định	Sở NN&MT, CCKL và các cơ quan, đơn vị liên quan	09 ngày	09 ngày
B5	Tổng hợp kết quả thẩm định: trường hợp không đủ điều kiện tham mưu văn	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày	01 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện	
			TH1	TH2
	bản trả lời; trường hợp đủ điều kiện dự thảo báo cáo thẩm định của Sở NN&MT và dự thảo Tờ trình của UBND tỉnh trình HĐND tỉnh			
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLBR&BTNN	½ ngày	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày	½ ngày
B8	Xem xét, ký báo cáo thẩm định trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày	½ ngày
B9	Xem xét, ký văn bản gửi các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng xin ý kiến	Chủ tịch UBND tỉnh	Không thực hiện	02 ngày
B10	Tham gia ý kiến bằng văn bản	Các bộ, ngành chủ quản hoặc Bộ Quốc phòng	Không thực hiện	10 ngày
B11	Hoàn thiện hồ sơ, trình HĐND tỉnh xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng	UBND tỉnh	03 ngày	03 ngày
B12	Xem xét quyết định chủ trương chuyển mục đích sử dụng rừng; chuyển kết quả đến UBND tỉnh và TTPVHCC	HĐND tỉnh	Theo quy chế làm việc của HĐND tỉnh	
B13	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn	
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>16 ngày</b>	<b>28 ngày</b>

**8. Nhóm 02 TTHC:**

**8.1. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng phòng hộ thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

**8.2. Điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng đặc dụng thuộc thẩm quyền của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thời gian thực hiện TTHC: 23 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được đầy đủ hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu CCKL báo cáo Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh lấy ý kiến bằng văn bản của các đơn vị liên quan	Công chức Phòng QLVR&BTTN	01 ngày
B4	Tham gia ý kiến bằng văn bản đối với phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng	Các đơn vị có liên quan	03 ngày
B5	Tổng hợp ý kiến, hoàn thiện hồ sơ phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; trình Hội đồng thẩm định do Chủ tịch UBND tỉnh thành lập	Công chức Phòng QLVR&BTTN	05 ngày
B6	Tổ chức thẩm định phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; hoàn thành báo cáo thẩm định gửi Sở NN&MT	Hội đồng thẩm định	05 ngày
B7	Hoàn thiện hồ sơ, dự thảo Tờ trình của Sở NN&MT trình Chủ tịch UBND tỉnh phê duyệt phương án điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng	Công chức Phòng QLVR&BTTN	03 ngày
B8	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B9	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B10	Xem xét, ký Tờ trình trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B11	Xem xét, ban hành quyết định điều chỉnh ranh giới, diện tích khu rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B12	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>23 ngày</b>

**9. Thanh lý rừng trồng thuộc thẩm quyền quyết định của Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh**

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR – CCKL	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ; trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ hoặc không hợp lệ thì tham mưu thông báo cho tổ chức, cá nhân và nêu rõ lý do	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	1/4 ngày
B6	Xem xét, ký duyệt văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/4 ngày
B7	Xem xét, ký Quyết định thành lập Hội đồng thẩm định	Chủ tịch UBND tỉnh	1/4 ngày
B8	Tổ chức xác minh, kiểm tra hiện trường (nếu cần); tổ chức họp Hội đồng thẩm định; tổng hợp ý kiến thẩm định	Hội đồng thẩm định	10 ngày
B9	Dự thảo Báo cáo kết quả thẩm định của Sở NN&MT	Kiểm lâm viên Phòng SD&PTR	1/2 ngày
B10	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo Báo cáo thẩm định, trình Lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/2 ngày

**CÔNG BÁO LANG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B11	Xem xét hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý	Lãnh đạo CCKL	1/2 ngày
B12	Xem xét, ký duyệt văn bản; trình Chủ tịch UBND tỉnh quyết định thanh lý rừng trồng	Lãnh đạo Sở NN&MT	1/2 ngày
B13	Xem xét, ký Quyết định thanh lý rừng trồng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B14	Trả kết quả giải quyết TTHC; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>15 ngày làm việc</b>

**10. Phê duyệt phương án sử dụng rừng để xây dựng các công trình kết cấu hạ tầng phục vụ bảo vệ và phát triển rừng thuộc địa phương quản lý**

- Thời hạn giải quyết: 15 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian</b>
B1	Tiếp nhận, kiểm tra thành phần hồ sơ; lập giấy biên nhận, hẹn ngày trả kết quả; cập nhật hồ sơ điện tử trên Hệ thống thông tin giải quyết TTHC; chuyển hồ sơ đến Phòng SD&PTR	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	1/4 ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	1/4 ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ chưa hợp lệ: tham mưu văn bản của Sở NN&MT thông báo cho tổ chức hoàn thiện hồ sơ. - Trường hợp hồ sơ hợp lệ: tham mưu tổ chức kiểm tra, xác minh; tổng hợp kết quả kiểm tra; xây dựng dự thảo Báo cáo kết quả kiểm tra và Tờ trình của Sở NN&MT	Công chức Phòng SD&PTR	6,5 ngày
B4	Kiểm tra hồ sơ và dự thảo văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	Lãnh đạo Phòng SD&PTR	01 ngày
B5	Xem xét hồ sơ và văn bản xử lý, trình Lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo Chi cục Kiểm lâm	01 ngày
B6	Xem xét hồ sơ, ký duyệt Báo cáo và Tờ trình của Sở NN&MT, trình UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	01 ngày
B7	Xem xét, quyết định phê duyệt phương án sử dụng rừng; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	05 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính; thống kê, theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian giải quyết</b>			<b>15 ngày</b>

**II. LĨNH VỰC BẢO TỒN THIÊN NHIÊN VÀ ĐA DẠNG SINH HỌC (04 TTHC)**

**1. Cấp lại Giấy phép tiếp cận nguồn gen**

- Thời gian thực hiện TTHC: 03 ngày làm việc.

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ dự thảo báo cáo của Sở NN&MT và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh (quyết định cấp lại hoặc văn bản từ chối)	Công chức Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	¼ ngày
B6	Xem xét, ký văn bản xử lý; trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	¼ ngày
B7	Xem xét, ký quyết định cấp lại giấy phép hoặc văn bản trả lời không cấp lại; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	01 ngày
B8	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>03 ngày</b>

**2. Cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen**

Thời gian thực hiện TTHC: 18 ngày làm việc

TT	Trình tự	Trách nhiệm thực hiện	Thời gian thực hiện
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTTN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTTN	½ ngày
B3	Kiểm tra, thẩm tra hồ sơ; tham mưu thành lập Hội đồng thẩm định; chuẩn bị nội dung thẩm định	Công chức Phòng QLVR&BTTN	02 ngày
B4	Tổ chức thẩm định hồ sơ; tổng hợp, hoàn	Hội đồng thẩm	10 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	thành báo cáo thẩm định	định	
B5	Dự thảo Tờ trình đề nghị cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh	Công chức Phòng QLVR&BTNN	½ ngày
B6	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	½ ngày
B7	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B8	Xem xét, ký Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND tỉnh quyết định	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B9	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B10	Xem xét, quyết định cấp Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc văn bản trả lời; chuyên kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B11	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>18 ngày</b>

**3. Gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen**

Thời gian thực hiện TTHC: 10 ngày làm việc

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTNN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu thẩm định và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh (quyết định gia hạn hoặc văn bản từ chối)	Công chức Phòng QLVR&BTNN	05 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	¼ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký duyệt hồ sơ; chuyển văn thư trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B8	Xem xét, quyết định gia hạn Giấy phép tiếp cận nguồn gen hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>10 ngày làm việc</b>

**4. Đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại**

Thời gian thực hiện TTHC: 07 ngày làm việc

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; lập Giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng QLVR&BTNN	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	¼ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, hợp lệ thông báo cho tổ chức và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tổ chức thẩm định và dự thảo văn bản xử lý của Chủ tịch UBND tỉnh (Quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài phục vụ học tập, nghiên cứu không vì mục đích thương mại hoặc văn bản từ chối)	Công chức Phòng QLVR&BTNN	03 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B4	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo CCKL	Lãnh đạo Phòng QLVR&BTNN	¼ ngày
B5	Xem xét hồ sơ, trình lãnh đạo Sở NN&MT	Lãnh đạo CCKL	½ ngày
B6	Xem xét, ký duyệt hồ sơ; chuyển Văn thư Sở trình Chủ tịch UBND tỉnh	Lãnh đạo Sở NN&MT	½ ngày
B7	Đóng dấu, phát hành hồ sơ trình Chủ tịch UBND tỉnh	Văn thư Sở NN&MT	¼ ngày
B8	Xem xét, quyết định cho phép đưa nguồn gen ra nước ngoài hoặc văn bản trả lời; chuyển kết quả đến TTPVHCC	Chủ tịch UBND tỉnh	02 ngày
B9	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC tỉnh/xã, phường	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>07 ngày</b>

**B. THỦ TỤC HÀNH CHÍNH CẤP XÃ LĨNH VỰC LÂM NGHIỆP VÀ KIỂM LÂM (02 TTHC)**

**1. Hỗ trợ lãi suất vốn vay ngân hàng để trồng rừng gỗ lớn đối với chủ rừng là hộ gia đình, cá nhân**

- Thời hạn giải quyết: 12 ngày làm việc kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến Phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	¼ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo Phòng Kinh tế cấp xã	¼ ngày
B3	Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ tham mưu xác minh hồ sơ	Công chức Phòng Kinh tế cấp xã	½ ngày
B4	Tham mưu UBND cấp xã chủ trì, phối hợp với các cơ quan liên quan tổ chức xác minh hồ sơ đề nghị hỗ trợ lãi suất vốn vay tại	UBND cấp xã và các cơ quan liên quan	09 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
	ngân hàng; lập biên bản xác minh điều kiện hỗ trợ theo quy định		
B5	Xem xét hồ sơ, ký văn bản trình UBND tỉnh	Lãnh đạo UBND cấp xã	01 ngày
B6	Xem xét, ký ban hành quyết định hỗ trợ lãi suất vốn vay tại ngân hàng; trường hợp không hỗ trợ thì ban hành văn bản trả lời và nêu rõ lý do; chuyển kết quả đến UBND cấp xã	Chủ tịch UBND tỉnh	03 ngày
B7	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>12 ngày</b>

**2. Quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác đối với cá nhân**

- Thời gian thực hiện TTHC: 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

<b>TT</b>	<b>Trình tự</b>	<b>Trách nhiệm thực hiện</b>	<b>Thời gian thực hiện</b>
B1	Tiếp nhận hồ sơ; kiểm tra thành phần hồ sơ; nhập hồ sơ điện tử; lập giấy biên nhận và hẹn trả kết quả; chuyển hồ sơ đến phòng Kinh tế cấp xã	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	½ ngày
B2	Phân công công chức xử lý hồ sơ	Lãnh đạo phòng Kinh tế cấp xã	½ ngày
B3	Kiểm tra hồ sơ: trường hợp hồ sơ không hợp lệ tham mưu văn bản trả lời và nêu rõ lý do; trường hợp hồ sơ hợp lệ lập Tờ trình đề nghị Chủ tịch UBND cấp xã quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác	Công chức phòng Kinh tế cấp xã	04 ngày
B4	Xem xét hồ sơ, trình Chủ tịch UBND cấp xã	Lãnh đạo phòng Kinh tế cấp xã	01 ngày

**CÔNG BÁO LẠNG SƠN/SỐ 17 Ngày 27-03-2026**

B5	Xem xét, ban hành quyết định chuyển mục đích sử dụng rừng sang mục đích khác hoặc văn bản trả lời; chuyên kết quả đến TTPVHCC cấp xã	Chủ tịch UBND cấp xã	03 ngày
B6	Trả kết quả giải quyết; thống kê và theo dõi hồ sơ	CCMC tại TTPVHCC cấp xã	Không tính thời hạn
<b>Tổng thời gian thực hiện</b>			<b>08 ngày</b>